

Số: /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 4 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**  
**Quy định chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng**  
**trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026 - 2030**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026 - 2030.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn/tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Tổ Công nghệ số cộng đồng tại thôn/tổ dân phố do Ủy ban nhân dân xã/phường quyết định thành lập.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

**Điều 2. Nội dung hỗ trợ**

1. Mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/tổ/năm.

2. Nội dung chi: Hỗ trợ trực tiếp cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng số.

3. Thời gian hỗ trợ: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

4. Việc hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở công khai, minh bạch, đúng mục đích, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách và không trùng lặp với các khoản chi hỗ trợ khác.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh đảm bảo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2026.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XX, Kỳ họp thứ hai (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026./.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT (T).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Thanh Trà**